TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 71/2019/KDTM-PT
Ngày 13 - 11 - 2019
V/v: "Tranh chấp giữa các thành viên của công ty với nhau về phần vốn góp"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp giữa các thành viên của công ty với nhau về phần vốn góp"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 35/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 787/2019/QĐ - PT ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Thanh B (Có mặt).

Địa chỉ: 343 N, phường Ng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Nguyện Xuân Th – Văn phòng Luật sư Sài Gòn Việt, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên (Sau đây viết tắt là Tổng Công ty Nông nghiệp S).

Địa chỉ: 189 Điện Biên Phủ, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Võ Thanh S – Phó Giám đốc nhân sự - hành chính

- Ông Tống Xuân Ph – Phó Giám đốc Tài chính - kế toán

- Ông Lê Trọng H – Nhân viên Phòng Nhân sự - hành chính

(Theo giấy ủy quyền số 852/GUQ-TCT ngày 12/11/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đặng Thị Kim X – Công ty Luật Đặng Nguyễn, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Nguyễn Tường V;

Đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Ngọc Huy – Giấy ủy quyền số 002797 ngày 01/10/2018 (Có mặt).

2. Ông Nhiêu Chí C;

Địa chỉ: TK40/41 Trần Hưng Đạo, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Ngọc H – Giấy ủy quyền số 002829 ngày 01/10/2018 (Có mặt).

3. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Kh và bà Nguyễn Thị Ngọc Th – Giấy ủy quyền số 5894/UBND-KT ngày 28/12/2018 (Có mặt).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H.

Địa chỉ: 964 Bến Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: ông Võ Hồng Â (Giấy ủy quyền số 838/GUQ-TCT ngày 01/10/2018) (Có mặt).

Người kháng cáo: Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nguyên đơn có yêu cầu như sau:

Năm 1978, thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc Cải tạo Công Thương nghiệp Tư doanh Thành phố, gia đình ông B (Xưởng nước mắm Hương V), gia đình bà Trần Nguyễn Tường V (Xưởng nước mắm Mậu H) và gia đình ông Nhiêu Chí C (Xưởng nước mắm Hải S) cùng với Nhà nước thành lập Xí

Nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H (Xí nghiệp Việt Hương H).

Mô hình Xí nghiệp Công tư hợp doanh là hình thức một xí nghiệp trước là của tư nhân nay do Nhà nước và chủ xí nghiệp cũ chung nhau kinh doanh. Tài sản của xí nghiệp gồm 11 tài sản của ba xưởng tư nhân đưa vào, cụ thể như sau:

Xưởng nước mắm Hương V sở hữu 05 tài sản sau: Nhà xưởng và Văn phòng Công ty tại 964 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8; Nhà xưởng tại 343 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1; Xe tải Chevelot trọng lượng 3,5 tấn, biển số xe 52C - 1934; Xe Mazda 04 chỗ, biển số xe 50D – 4632; và Xe 02 bánh City 100, biển số xe 51-3060.

Xưởng nước mắm Mậu H sở hữu 04 tài sản sau: Nhà phố 3/3 Đề Thám, Quận 1; Nhà xưởng tại 70 Phủ Định, Phường 16, Quận 8; Xe tải Desoto trọng lượng 4,5 tấn, biển số xe 52C-146; và Xe tải Inter trọng lượng 4,5 tấn, biển số xe 50C - 1578.

Xưởng nước mắm Hải S sở hữu 02 tài sản sau: Nhà xưởng tại Số 3 Phủ Định, Phường 16, Quận 8; và Xe Toyota 12 chỗ, biển số xe 50D-1994.

Xí nghiệp Việt Hương H chịu sự quản lý của Nhà nước là Sở Thủy sản theo Quyết định số 1923/QĐ-UB ngày 23/5/1978 của Ủy ban nhân dân ("UBND") Quận 1, Quyết định số 1411/QĐ-UB ngày 01/7/1978 của Ủy ban nhân dân thành phố và Biên bản ngày 22/7/1978. Với thỏa thuận ban đầu, bà Nguyễn Thị Tốt (là mẹ của ông – nay đã mất và ông là người thừa kế) được hưởng lãi suất cố định 6% hoạt động theo phương thức mua lại trả dần (trừ dần vào tổng trị giá vốn ban đầu khi thực hiện mô hình Công tư Hợp Doanh).

Sau thời gian mô hình Công tư hợp doanh hoạt động không có hiệu quả, Xí nghiệp thông qua các Biên bản Hội nghị đã nhiều lần kiến nghị Sở Thủy sản và Ủy ban nhân dân thành phố hoàn trả lại tài sản cho các gia đình như Biên bản Hội nghị lập ngày 06/12/1980 và Thanh tra Sở Nông nghiệp cũng đã ban hành Công văn số 101/NN-TT ngày 23/12/1991 theo hướng trả lại tài sản cho chủ tư nhân.

Tuy nhiên, thay vì lựa chọn hình thức giải thể, chấm dứt mô hình Công tư hợp doanh hoàn trả lại tài sản cho chủ tư nhân, Sở Nông nghiệp Thành phố (tiền thân là Sở Thủy sản) lại gửi Công văn lên Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xin chuyển đổi hình thức Xí Nghiệp Công tư hợp doanh thành Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn, công văn số 71/NN.TCCB ngày 23/01/1996 xin duyệt "phương án 3" để xác định vốn Nhà nước tại Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H. Trên cơ sở văn bản này, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Công văn số 658/UB-KT ngày 29/02/1996, theo đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau: "… duyệt phương án xác định vốn NN và các cổ đông của Xí nghiệp Nước mắm Việt Hương H", trong đó, có các nội dung mang tính cưỡng bức ép buộc đối với các cổ đông như "xác định vốn theo thẩm định của Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp thành phố,

không cần kiểm toán lại" hoặc "trường hợp cổ đông không đồng ý phương án trên, cho phép khoanh phần giá trị vốn và tài sản cổ đông đó gởi vào tài khoản tiền gởi Ngân hàng để lập thủ tục hoàn trả sau". Từ công văn này, Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H ra đời vào ngày 08/11/1996 ghi nhận trong Điều lệ công ty ngày 16/12/1996 phần vốn của Nhà nước là 3.710.778.717 đồng (nắm giữ tỷ lệ vốn góp là 69,21%).

Ngày 10/12/1997, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 7111/QĐ-UB-KT về việc chuyển quyền quản lý và sử dụng tài sản Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H sang Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H, có nội dung như sau: 11 danh mục tài sản của tư nhân nêu trên được ghi nhận là "chuyển quyền quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước từ Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H sang Công ty TNHH Nước mắm Việt Hương Hài ".

Ngày 07/3/1998, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1195/QĐ-UB-KT về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 7111/ QĐ-UB-KT ngày 10/12/1997 nêu trên với nội dung như sau: 11 danh mục tài sản của tư nhân nêu trên được ghi nhận là "chuyển quyền sở hữu tài sản Nhà nước từ Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H sang Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H với tư cách là phần hùn Nhà nước".

Ngày 11/05/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 2002/QĐ-UB về việc sửa đổi Quyết định số 1195/QĐ-UB-KT nêu trên với nội dung xét 11 danh mục tải sản là của các thành viên góp vốn kể cả thành viên tư nhân chứ không chỉ là phần hùn của Nhà nước.

Như vậy, Sở Nông Nghiệp chỉ ghi nhận vốn Nhà nước trong Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H dựa trên các công văn, quyết định là trái với quy định của pháp luật, cũng như việc tự xác định tỷ lệ vốn Nhà nước của Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước là 69,21% dựa trên các Biên bản kiêm kê tài sản và "Phương án 3" của Xí nghiệp là hoàn toàn không có cơ sở.

Ngày 02/4/2004, Chủ Tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1396/QĐ-UB chuyển phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H về Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một Thành Viên. Theo đó, vốn Nhà nước được xác định tại Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H là 3.878.707.421 đồng. Dưới sự quản lý của Nhà nước mà cụ thể là Tổng Công ty Nông nghiệp S với tư cách chiếm 69,21% vốn điều lệ, Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H hoạt động kém hiệu quả và đưa ra chủ trương giải thể công ty tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐTV vào ngày 18/9/2015.

Khi tiến hành lộ trình giải thể, các thành viên còn lại nhận ra rằng số vốn Nhà nước mà Tổng Công ty Nông nghiệp S đang nắm giữ tại Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H thực tế là một con số ảo, được kê khai khống và hoàn toàn trái với các quy định của pháp luật liên quan đến vốn góp từ lúc thành lập công ty cho đến nay. Từ Luật Công ty năm 1990 và nay là Luật Doanh nghiệp 2014, vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Luật Doanh nghiệp như khoản

21, 29 Điều 4; Khoản 3, Điều 5; Khoản 5 Điều 17; Khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 212.

Với trình bày như trên, ông kính đề nghị Quý Tòa xem xét, giải quyết những vấn đề như sau:

1. Xác định Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một Thành Viên chưa góp vốn vào Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H. Từ đó căn cứ vào Điểm a Khoản 3 Điều 48 của Luật Doanh Nghiệp hiện hành tuyên bố Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một Thành Viên đương nhiên không là thành viên của Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H, các thành viên còn lại được tự quyết định về hoạt động của Công ty TNHH Nước Mắm Việt Hương H.

2. Yêu cầu Tòa tuyên hủy các quyết định cá biệt trái pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là các quyết định sau:

Công văn số 658/UB-KT ngày 29/02/1996 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Quyết định số 7111/QĐ-UB-KT ngày 10/12/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Quyết định số 1195/QĐ-UB-KT ngày 07/3/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Quyết định số 2002/QĐ-UB ngày 11/5/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Yêu cầu Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một Thành Viên hoàn trả toàn bộ phần tiền lãi nhận được từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H từ khi thành lập (ngày 19/12/1996) cho đến nay. Số tiền là 2.059.316.463 đồng.

Bị đơn – Tổng Công ty Nông nghiệp S – TNHH một thành viên có ý kiến như sau:

Bị đơn thừa nhận Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H được thành lập vào ngày 08 tháng 11 năm 1996 theo Giấy phép số 2895GP/TLDN do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 1996; thay đổi lần thứ 8 vào ngày 18 tháng 5 năm 2016 và nguồn gốc từ Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H như trình bày của nguyên đơn, đối với nội dung nguyên đơn yêu cầu, bị đơn có ý kiến như sau;

- Theo các tài liệu ghi nhận trước đây, về mặt quản lý xí nghiệp, từ khi thành lập đến nay, các cổ đông không tham gia quản lý. Về thực chất hoạt động, Xí nghiệp được quản lý như một xí nghiệp quốc doanh, thực hiện đủ các chế độ quản lý kế hoạch hóa, quản lý tài chính, quản lý lao động tiền lương, thuế… của các Xí nghiệp quốc doanh.

- Về tài sản của Xí nghiệp đã được xác lập theo Chỉ thị số 278-CT ngày 09 tháng 10 năm 1989: "Khi tham gia xí nghiệp công tư hợp doanh, các chủ tư nhân đã thống nhất định giá tài sản cố định góp vào xí nghiệp cũng như tỷ lệ trả vốn và lãi suất hàng năm. Trong quá trình sản xuất kinh doanh hơn 10 năm qua, các thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, nhà xưởng… đã trở thành tài sản chung của xí nghiệp, được thay thế, bổ sung, sửa chữa, trang bị mới nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Vì vậy không đặt vấn đề trả lại các thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, nhà xưởng… đó cho chủ tư nhân mà giữ nguyên là tài sản cố định của xí nghiệp để tiếp tục sản xuất kinh doanh".

- Về việc trả lãi cho các cổ đông và trừ vào vốn hợp doanh: Theo tài liệu ghi nhận, cổ đông đã lãnh tiền cổ tức từ tháng 8 năm 1978 đến Quỹ II năm 1986, cụ thể như sau:

+ Hải S: 92 tháng x 517đ = 47.564 đồng.

+ Hương V: 92 tháng x 618đ = 56.856 đồng.

+ Mậu H: 95 tháng x 478đ = 45.140 đồng.

Quá trình thành lập và xác định vốn của Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H.

- Thực hiện theo Nghị định số 388-HĐBT ngày 20 tháng 11 năm 1991, các doanh nghiệp tiến hành đăng ký lại doanh nghiệp, không còn tồn tại doanh nghiệp Công tư hợp doanh mà chỉ có loại hình Công ty TNHH hoặc Công ty Cổ phần hoạt động theo Luật Công ty. Do vậy, để phù hợp với quy định pháp luật, Xí nghiệp phải thực hiện thủ tục chuyển đổi để thành lập lại doanh nghiệp theo hình thức mới là Công ty TNHH. Theo đó, ngày 20/4/1995, Sở Nông nghiệp ban hành Quyết định số 81/NN/QĐ về việc thành lập Ban Chuẩn bị thành lập Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H.

- Để xác định giá trị tài sản chuyển sang mô hình Công ty TNHH, ngày 01 tháng 6 năm 1995, Ủy ban Vật giá Thành phố đã tiến hành kiểm kê và xác lập danh mục tài sản vào thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 6 năm 1995. Theo đó xác định giá trị tài sản còn lại của Xí nghiệp Công tư hợp doanh là 6.049.914.428 đồng.

- Ngày 31 tháng 7 năm 1995, Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản số 2104/UB-KT về hoạt động của Xí nghiệp Công tư hợp doanh Hương Hải. Theo đó: Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp Thành phố tại Công văn số 545/NN/TCCB ngày 12/6/1995 và đề nghị của Tiểu ban đổi mới doanh nghiệp Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có ý kiến như sau:

"Việc đánh giá tài sản còn lại để chuyển Xí Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H phải được thực hiện theo quy định tại Chỉ thị 278/CT ngày 09/10/1989…".

"… Trong quá trình sản xuất kinh doanh hơn 10 năm qua, các thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, nhà xưởng… đã trở thành tài sản chung của xí

nghiệp, được thay thế, bổ sung, sửa chữa, trang bị mới nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Vì vậy không đặt vấn đề trả lại các thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, nhà xưởng… đó cho chủ tư nhân mà giữ nguyên là tài sản cố định của xí nghiệp để tiếp tục sản xuất kinh doanh".

"Trong trường hợp cổ đông tư nhân không chấp thuận thì phần giá trị tài sản cố định của cổ đông đó không tính vào giá trị tài sản làm vốn cổ phần góp vào doanh nghiệp khi chuyển đổi loại hình để đảm bảo cho việc chuyển đổi không bị cản trở".

- Ngày 16 tháng 11 năm 1995, theo Biên bản họp gồm Đại diện các Sở Nông nghiệp, Cục Quản lý vốn Thành phố, Ban vật giá Thành phố, Tổ Cải tạo thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Kinh tế Thành ủy, Viện kinh tế Thành phố và đại diện Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H, đã trao đổi, thảo luận 03 phương án và thống nhất trình Ủy ban nhân dân Thành phố 02 phương án (phương án 2 và 3) về việc xác định giá trị vốn và tài sản của nhà nước và các cổ đông phục vụ công tác chuyển đổi Xí nghiệp Công tư hợp doanh thành Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H.

- Ngày 23 tháng 01 năm 1996, Sở Nông nghiệp đã có Công văn số 71/NN/TCCB về việc báo cáo thực hiện công tác chuyển đổi Xí nghiệp Công tư hợp doanh sang Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H. Theo đó, Sở nông nghiệp đã trình thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố 03 phương án như sau:

+ Phương án 1: Được xác định trên cơ sở vốn và tài sản lưu động. Căn cứ vào Chỉ thị 278/CT ngày 09/10/1989 của Hội đồng bộ trường là Nhà nước mua lại tài sản của các nghiệp chủ trả dần dưới hình thức lợi tức 7%/năm cho các cổ đông và trừ dần vào vốn. Theo phương án này, tỷ lệ vốn của 03 nghiệp chủ cổ đông tư nhân chiếm 7,48%.

+ Phương án 2: "Đề nghị nhà nước vận dụng: Trước khi có Chỉ thị 278/CT ngày 09/10/1989 thì lãi của các cổ đông nếu chưa lãnh đề nghị không phải trừ vào vốn hợp doanh và xí nghiệp không tính trả lại cho các cổ đông, phần đã lĩnh (từ năm 1978 đến Quý 1, 2 năm 1986) thì trừ vào vốn hợp doanh. Sau Chỉ thị 278/CT thì được tính lãi trên phần vốn còn lại để trả lãi cho các cổ đông và không trừ tiếp vào vốn. Theo phương án này, cổ đông tư nhân có lợi hơn so với phương án 1, tỷ lệ vốn của 03 cổ đông chiếm 13,10%.

+ Phương án 3: Với tinh thần cởi mở, tính toán có vận dụng Chỉ thị 278/CT để khuyến khích các nghiệp chủ tích cực tham gia thực hiện mô hình mới (Công ty TNHH). Phương án này trên cơ sở xác định vốn và tài sản của nhà nước (khác với Phương án 1 và phương án 1: trên cơ sở vốn và tài sản nghiệp chủ). Theo đó, cổ đông tư nhân có lợi hơn phương án 1 và phương án 2, tỷ lệ vốn của 03 cổ đông tư nhân chiếm 30,79%.

- Ngày 29 tháng 2 năm 1996, trên cơ sở đề nghị của Sở Nông nghiệp tại Công văn số 71/NN/TCCB nêu trên và đề nghị của Tiểu ban đổi mới doanh nghiệp Thành phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã có ý kiến như sau:

"1. Đồng ý cho thực hiện xác định vốn và tài sản Nhà nước và các cổ đông của Xí nghiệp nước mắm Việt Hương H trên cơ sở nguồn vốn và tài sản tích lũy của Xí nghiệp từ năm 1978 đến 01/6/1995 (phương án 3).

2. Giá trị tài sản của Xí nghiệp kiểm kê ngày 01/6/1995 được xác định giá trị còn lại của Xí nghiệp theo thẩm định của Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Thành phố, không cần kiểm toán lại.

Trường hợp có cổ đông không đồng ý phương án trên, cho phép khoanh phần trị giá vốn góp và tài sản của cổ đông đó gửi vào tài khoản tiền gửi ngân hàng để lập thủ tục hoàn trả sau…"

- Ngày 13 tháng 5 năm 1996, căn cứ Công văn số 658/UB-KT của Ủy ban nhân dân Thành phố nêu trên, đồng thời căn cứ theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế 5 tháng đầu năm 1995 do Sở Nông nghiệp, Sở Tài chính, Cục Thuế Thành phố tiến hành ngày 03/7/1995 (hiện không có biên bản này) và Công văn số 51/VHH ngày 24/4/1996 của Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H, Cục quản lý vốn Thành phố đã có Công văn số 563/CQLV về việc xác nhận vốn cho Xí nghiệp Công tư hợp doanh Nước mắm Việt Hương H, cụ thể như sau:

"Xác nhận vốn của Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H đã được xác định lại theo phương án 3 đến ngày 31/5/1995 như sau:

- Vốn Nhà nước tại Xí nghiệp: 3.710.778.717 đồng.

- Vốn của các cổ đông tại Xí nghiệp: 1.650.588.635 đồng.

Trong đó:

+ Cổ đông Hương V: 640.428.390 đồng.

+ Cổ đông Hải S: 536.441.306 đồng.

+ Cổ đông Mậu H: 473.718.939 đồng.

Tổng cộng vốn của Xí nghiệp: 5.361.367.352 đồng.

Xác nhận vốn này dùng để đăng ký vốn ban đầu chuẩn bị thành lập Công ty TNHH Việt Hương H"

- Ngày 11 tháng 6 năm 1996, theo Biên bản họp gồm đại diện Sở Nông nghiệp, Cục quản lý vốn, Ủy ban vật giá, Tổ cải tạo, Viện Kinh tế, Ban Kinh tế Thành ủy, Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H và các cổ đông tư nhân, đã thể hiện nội dung như sau:

"Hội nghị đã thảo luận và thống nhất thông qua những nội dung cơ bản đã nêu trong dự thảo điều lệ, phương án hoạt động của Công ty và giao cho Viện Kinh tế hoàn chỉnh lần cuối cùng để lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định…"

- Ngày 15 tháng 6 năm 1996, các cổ đông sáng lập viên gồm:

+ Đại diện vốn Nhà nước: ông Cao Văn Tuấn, ông Thiều Văn Đơ, ông Nguyễn Hứu Thuyên, ông Nguyễn Minh Hùng.

+ Đại diện vốn tư nhân: Bà Trần Nguyễn Tường V, bà Tăng Thị Chín, bà Nguyễn Thị Tốt.

Đã đồng ký Đơn xin phép thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó đã thể hiện nội dung như sau:

"+Tổng số vốn: 5.361.367.352 đồng. Trong đó: Bên Nhà nước: 3.710.778.717 đồng (69,21%); Bên tư nhân: 1.650.588.635 đồng (30,79%).

+ Cách thức góp vốn: Xác định tỷ lệ vốn góp hiện có của Xí nghiệp Công tư hợp doanh để đăng ký chuyển hình thức hoạt động sang Công ty TNHH.

+ Nhất trí ông Cao Văn Tuấn làm Giám đốc Công ty…"

- Đồng thời, trong cùng ngày 15 tháng 6 năm 1996, Ông Cao Văn Tuấn đã ký Phương án Chuyển thể hoạt động từ Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H sang Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H. Theo đó, các thành viên sáng lập Công ty đã cùng ký tên vào Điều lệ Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H, trong đó có thể hiện nội dung:

+ "Vốn của Công ty được xác định là 5.361.367.352 đồng."

+ "Các thành viên sáng lập đã cùng nhau xem xét kiểm kê tài sản Xí nghiệp và xác định phần hùn, nhất trí đánh giá đúng thời điểm 31/5/1995, được các ban ngành, Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thông qua và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận".

- Ngày 08 tháng 11 năm 1996, Ủy ban nhân dân Thành phố đã cấp Giấy phép số 2895/GP/TLDN thành lập Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H, với vốn Điều lệ là 5.361.367.352 đ và các thành viên sáng lập theo Điều lệ nêu trên.

- Sau khi thành lập Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H, để xác lập tài sản Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành các văn bản để chuyển quyền sở hữu tài sản các nhà phố, nhà xưởng, kiến trúc trên đất và phương tiện giao thông tại Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H sang Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H như sau:

+ Quyết định 7111/QĐ-UB-KT ngày 10/12/1997;

+ Quyết định số 1195/QĐ-UB-KT ngày 07/3/1998 (sửa đổi bổ sung Quyết định 7111/QĐ-UB-KT);

+ Quyết định số 2002/QĐ-UB ngày 11/5/2004 (sửa đổi bổ sung Quyết định số 1195. Tài sản gồm 04 nhà xưởng, 01 nhà phố, 06 xe các loại), đồng thời xác định "đây là phần hùn của các thành viên góp vốn kể cả thành viên tư nhân chớ không chỉ là phần hùn của Nhà nước".

- Về điều chỉnh vốn Điều lệ, ngày 27 tháng 4 năm 1999, xét đề nghị của Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Công văn số 216/1998/CQLV/NL ngày 05/3/1998 và đề nghị của Tổng Công ty Nông nghiệp S tại Công văn số 114/CV-KTTV/CT ngày 23/3/1999 về việc xử lý chênh lệch giá trị doanh nghiệp của Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H, Ủy ban nhân dân Thành phố đã có ý kiến: "Chấp thuận số liệu được xác định tại thời điểm 01/01/1997 chuyển giao vốn – tài sản Nhà nước và các cổ đông của Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H cho Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H. Cụ thể như sau:

+ Tổng Vốn Điều lệ: 5.604.003.827 đồng.

Trong đó:

* Vốn nhà nước: 3.878.707.421 đồng (69,21%).

* Vốn tư nhân: 1.725.296.406 đồng (30,79%).

Việc tiếp quản phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Nước mắm Việt Hương H của Tổng Công ty Nông nghiệp S – TNHH một thành viên

Ngày 02 tháng 4 năm 2004, xét đề nghị của Chi cục Tài chính doanh nghiệp Thành phố tại Công văn số 103/TCDN/NN ngày 15/3/2004, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 1396/QĐ-UB về việc chuyển phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H về Tổng Công ty Nông nghiệp S. Theo đó, Ủy ban dân dân thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H là 3.878.707.421 đồng về Tổng Công ty Nông nghiệp S quản lý.

Trên cơ sở đó, Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên đã tiếp nhận, quản lý phần vốn góp cho đến nay; đồng thời đã thực hiện các thủ tục đăng ký công nhận là thành viên góp vốn tại Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H theo quy định pháp luật. Vì vậy, Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, bác bỏ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nhiêu Chí C: Yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Bà Trần Nguyễn Tường V: Yêu cầu Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H trình bày:

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty đã được công chứng tại Phòng công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận Điều lệ ngày mười sáu tháng mười hai năm một ngàn chín trăm chín mươi sáu với nội dung: "… Phần vốn của các thành viên trong Công ty đã được ghi trong Điều 6 Chương 2 của bản Điều lệ. Số vốn này đã được Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận tại văn bản

số 563/CQLV ngày 13/5/1996 và được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận tại văn bản số 1222/VP –KT ngày 12/12/1996"

Tại Quyết định số 1396/QĐ –UB ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố - Điều 1- Nay chuyển giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H là 3.878.707.421 đồng được xác định tại Công văn số 1588/CV –UB-KT ngày 27/4/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố về Tổng Công ty Nông nghiệp S quản lý.

Từ đó đến nay Tổng Công ty Nông nghiệp S liên tục quản lý, đề cử, thay thế nhân sự đại diện cho phần vốn góp của Tổng Công ty(69,21%) nhiều năm qua.

Tại Thông báo số 600/TB –VP ngày 07/8/2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về: " Nội dung chỉ đạo của Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố Tất Thành Cang tại cuộc họp ngày 27 tháng 7 năm 2015 về kế hoạch di dời 6 cơ sở chưa hoàn thành việc di dời từ Chương trình năm 2003"

Ngày 09 tháng 9 năm 2015 Hội đồng thành viên Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H đã có cuộc họp với nội dung:

- Thảo luận việc di dời theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và phần kết luận Hội nghị đưa ra Nghị quyết về việc: "Chủ trương giải thể Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H". Tại Điều 1 của Nghị quyết số 36/NQ –HĐTV: "Sau khi thảo luận, phân tích về tình hình sản xuất kinh doanh và chủ trương của Thành phố di dời Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H là không khả thi và thống nhất chủ trương giải thể Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H theo luật định".

Biểu quyết: 6/6 thành viên Hội đồng nhất trí; đạt tỉ lệ 100%.

Từ những giải trình đã nêu ở 2 mục trên Công ty nhận định như sau:

Việc thực hiện giải thể Công ty là do thực hiện chủ trương di dời của Thành phố. Đơn vị không tìm kiếm được địa điểm phù hợp với yêu cầu của ngành nghề sản xuất nước mắm từ cá chượp; mặt khác nguồn vốn đầu tư thực hiện di dời rất lớn không có nhà đầu tư mới tham gia.

Điều lệ Công ty hoạt động 20 năm đã đến hạn. Các thành viên trong Hội đồng thành viên cũng đã thể hiện ý chí cao trong việc giải thể Công ty khi hết thời hạn ghi trong Điều lệ.

Những vấn đề cụ thể của người khởi kiện (là ông Đặng Thanh B) yêu cầu Tòa án giải quyết tại Thông báo số 98/TB – TLVA ngày 25/7/2016 là không hợp lý, không hợp lệ.

Các nội dung khởi kiện của ông B, Công ty chúng tôi với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu quý tòa tiến hành hòa giải để không ảnh hưởng đến hoạt động và tiến độ thời gian giải thể của Công ty.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Đại diện Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến Ủy ban không đồng ý với yêu cầu của ông Đặng Thanh B.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có ý kiến.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu về việc hủy Công văn số 658/UB-KT ngày 29/02/1996 của Ủy ban nhân dân Thành phố, còn các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì không có căn cứ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 35/2019/KDTM-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Khoản 3, Điều 30; Khoản 1 Điều 34 điểm a, Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chỉ thị số 278-CT ngày 09/10/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng;

Điểm a, khoản 3 Điều 48; Điều 69 và Điều 70 Luật Doanh nghiệp.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp. Quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh B.

1. Tuyên bố Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên không còn là thành viên của Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H. Các thành viên còn lại của Công ty tự quyết định tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động của Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H;

2. Hủy các Quyết định số 7111/QĐ-UB-KT ngày 10/12/1997, Quyết định số 1195/QĐ-UB-KT ngày 07/3/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các Quyết định số 2002/QĐ-UB ngày 11/05/2004, Quyết định số 1396/QĐ-UB ngày 02/04/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Công văn số 658/UB-KT ngày 29/02/1996 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh của nguyên đơn.

3. Buộc Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên trả lại cho Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H 2.059.316.463 đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi chín triệu ba trăm mười sáu nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/01/2019, Tổng công ty Nông nghiệp S – TNHH Một thành viên kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị đơn Tổng công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên (gọi tắt là bị đơn) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật của luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua hồ sơ thể hiện nguyên đơn có hai yêu cầu: Xác định bị đơn không là thành viên góp vốn của công ty TNHH Việt Hương H; yêu cầu bị đơn trả lại số tiền lợi nhuận.

Bản án sơ thẩm đã xác định và phân tích, tại phiên toà các đương sự đều thừa nhận bị đơn không có việc góp vốn vào công ty bằng vật chất, vậy bị đơn có góp vốn bằng cách trả lãi (trả dần) vốn cho các chủ tư nhân hay không? Tại phiên toà bị đơn không có chứng cứ chứng minh bị đơn có trả dần vốn tài sản cho những người chủ tư nhân. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn không có góp vốn vào công ty và không có góp vốn nên không được hưởng lãi. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Nên đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; lời trình bày của các đương sự, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về việc xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn trong vụ án, về việc xác định thẩm quyền, về thời hiệu khởi kiện là đúng khoản 4 Điều 30; khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên kháng cáo về thời hiệu của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Tổng công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên:

Chấp hành chính sách cải tạo nền kinh tế sau giải phóng Miền Nam. Các địa phương đã thành lập các Xí nghiệp công tư hợp doanh (viết tắt là XN CTHD) theo nguyên tắc định lãi hàng năm và trả dần vốn tài sản cố định đã góp của chủ tư nhân vào Xí nghiệp công tư hợp doanh đó. Xí nghiệp Công tư hợp doanh nước mắm Việt Hương H (gọi tắt là Xí nghiệp Việt Hương H) được thành lập vào năm 1978 theo Quyết định số 1411/QĐ-UB ngày 01/7/1978 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với số vốn của 3 chủ tư nhân gồm Xưởng nước mắm Hương V, xưởng nước mắm Mậu H, xưởng nước mắm Hải S, Nhà nước giữ vai trò quản lý không có góp vốn vào. Xí nghiệp Việt Hương H hoạt động theo phương thức mua lại trả dần thông qua trả lãi hàng năm cho các chủ tư nhân. Theo nguyên đơn khai quá trình hoạt động xí nghiệp Việt Hương H đã chi trả cho 3 chủ tư nhân góp vốn lãi suất 6%/năm từ tháng 8/1978 đến hết tháng 12/1979 (theo công văn báo cáo số 107/VHH ngày 05/8/1989) là 16 tháng, cũng theo công văn báo cáo số 107/VHH này thì phần lãi mà các chủ tư nhân đã nhận

từ tháng 8/1978 đến tháng 12/1979 này thì không được trừ vào vốn hợp doanh mà các chủ tư nhân đã góp vào Xí nghiệp Việt Hương H. Do đó, toà án cấp sơ thẩm xác định rằng Xí nghiệp Việt Hương H và đơn vị chủ quản đã không thực hiện đúng theo biên bản làm việc với ba chủ tư nhân và Quyết định số 1411/QĐ-UB ngày 01/7/1978 của Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng như đường lối chính sách của Nhà nước về mô hình hoạt động của Xí nghiệp công tư hợp doanh lúc bấy giờ theo nguyên tắc định lãi hàng năm và trả dần vốn tài sản cố định đã góp của chủ tư nhân vào Công tư hợp doanh.

Bị đơn cho rằng nguyên đơn và toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào công văn báo cáo số 107/VHH ngày 05/8/1989 để xác định rằng Xí nghiệp Việt Hương H chỉ trả lãi cho 3 chủ tư nhân từ tháng 8/1978 đến tháng 12/1979 và không trừ vào vốn góp của 3 chủ tư nhân là không đúng mà Xí nghiệp Việt Hương H đã trả lãi cho 3 chủ tư nhân từ tháng 8/1978 đến hết quý II/1986. Hơn nữa, bị đơn lập luận rằng phương thức công tư hợp doanh và góp vốn được hiểu rằng: tư nhân giao tài sản cố định, lưu động cho XN CTHD quản lý sử dụng trước, XN CTHD sẽ hoàn giá trị các tài sản này bằng cách xác định trả tức 6%/giá trị tài sản đã được định giá khi công ty hợp doanh để trừ dần vào giá trị tài sản ban đầu mà tư nhân đã giao cho XN CTHD, Nhà nước toàn quyền cử nhân sự trực tiếp quản lý, điều hành XN CTHD như một xí nghiệp quốc doanh, tự đầu tư thêm tài sản trong suốt quá trình XN CTHD hoạt động, tư nhân không tham gia điều hành. Hay nói cách khác, mục đích của nhà nước trong chính sách cải tạo công thương, ý chí của các bên Nhà nước và 3 chủ tư nhân về công ty hợp doanh ở thời kỳ đó cho thấy: Về bản chất phần giá trị tài sản cố định, lưu động của 3 tư nhân không phải là vốn góp của họ để thành lập XN CTHD mà chỉ là giá trị tài sản tư nhân "bán" cho Nhà nước theo phương thức "thanh toán trả chậm", có ấn định tỷ lệ hoàn trả tiền "bán" tài sản. Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của bị đơn về phương thức hình thành và hoạt động của XN CTHD như bị đơn trình bày. Nhưng thực tế bị đơn có thực hiện đúng việc hoàn trả vốn tài sản mà các chủ tư nhân đã "bán" hay không? Vấn đề này bị đơn không chứng minh được vì bị đơn cho rằng đã hoàn trả tiền cho 3 chủ tư nhân dưới hình thức trả tức 6%/ năm và đã trả được cho 3 chủ tư nhân từ tháng 8/1978 đến quý II/1986, nhưng bị đơn lại không đưa ra được các chứng cứ chứng minh cho vấn đề trên như việc trả lãi hàng tháng, quý, năm… các chứng từ chứng minh trừ hoặc trả dần tiền mà các chủ tư nhân đã "bán" hàng năm như thế nào? Còn lại bao nhiêu?... Cho nên, Toà án cấp sơ thẩm xác định rằng XN CTHD đã không thực hiện đúng tinh thần chủ trương trên là có căn cứ.

Ngoài ra, bị đơn còn cho rằng toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào Công văn số 107 làm chứng cứ để xác định bị đơn chỉ trả lãi cho 3 chủ tư nhân từ tháng 8/1978 đến tháng 12/1979 và không trừ vào vốn là không đúng. Nhưng công văn này chính xí nghiệp báo cáo và bị đơn không giải trình được lý do gì xí nghiệp lại làm công văn này gởi cho đơn vị chủ quản và lý do gì xí nghiệp phải báo cáo nội dung chỉ trả lãi trong thời gian đó và không trừ vào vốn. Cho nên, toà án cấp

sơ thẩm xem công văn số 107 là chứng cứ không cần phải chứng minh, để xác định thời gian trả lãi và có trừ vào vốn hay không là có căn cứ.

Ngày 21/3/1980 Sở Thuỷ sản Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 589/STS-CT công nhận vốn của từng chủ tư nhân nước mắm Việt Hương, Mậu H, Hải S như sau: bà Nguyễn Thị Tốt (Việt Hương) vốn 106.066,34 đồng, trong đó vốn cố định 40.905,75 đồng, vốn lưu động 65.160,59 đồng; bà Nguyễn Thị Giàu (Mậu H) vốn 81.805,11 đồng trong đó vốn cố định 54.034,99 đồng, vốn lưu động 27.770,12 đồng; bà Tăng Thị Chín (Hải S) vốn 88.782,84 đồng, trong đó vốn cố định 78.116,49 đồng, vốn lưu động 10.666,35 đồng.

Vậy từ khi có Chỉ thị 278/CT ngày 09/10/1989 đến trước ngày thành lập công ty TNHH (ngày 8/11/1996). Theo lập luận của bị đơn theo tinh thần của Chỉ thị 278 thì phương thức của công ty hợp danh của Xí nghiệp Việt Hương H với 3 tư nhân được thực hiện như sau: Trả tức 6%/giá trị tài sản còn lại và không trừ vào trị giá tài sản còn lại đó – Tức chỉ trả lãi/nợ gốc còn lại, không trả nợ gốc. Bị đơn cho rằng về bản chất từ "quan hệ mua – bán" đã chuyển sang "quan hệ vay – cho vay" giữa xí nghiệp và 3 chủ tư nhân. Xí nghiệp vay giá trị tài sản còn lại và sẽ trả lãi/nợ gốc còn lại = 6%/ tháng, không trả nợ gốc. Vì vậy, vốn/tài sản của XN CTHD, Xí nghiệp Việt Hương H vẫn được xem 100% là vốn của Chủ sở hữu Nhà nước, nhưng nguồn vốn mua tài sản chậm trả sẽ đổi thành nguồn vốn vay phải trả cho tư nhân. Tiền lãi vay xí nghiệp trả cho 3 tư nhân được hạch toán vào chi phí và cho rằng do thời kỳ này nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nên có thời gian xí nghiệp hoàn tiền mua tài sản cho 3 chủ tư nhân chưa đúng tiến độ và trả lãi vay chậm và cũng chỉ là khoản tiền công nợ chậm thanh toán. Nhưng xí nghiệp không xuất trình được các văn bản ghi nhận nợ với 3 chủ tư nhân hoặc được 3 chủ tư nhân xác nhận nợ.

Bên cạnh đó, bị đơn còn cho rằng: mặc dù 3 tư nhân vẫn còn một khoản giá trị tài sản trong XN CTHD nhưng đây chỉ là khoản công nợ. Họ không phải là đồng sở hữu nên đã không được tham gia quản lý điều hành xí nghiệp và cũng không thể có tư cách quyết định giải thể hay chuyển đổi XN CTHD này. Vì vậy, bị đơn cho rằng, quan điểm của nguyên đơn trong đơn khởi kiện và được hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận trong bản án cho rằng vào thời gian đó XN CTHD được quyền giải thể nhưng cổ đông Nhà nước không chọn lựa giải thể XN CTHD mà ép buộc các cổ đông tư nhân chuyển sang Công ty TNHH là không đúng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại chỉ thị 278 - CT ngày 09/10/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị về việc giải quyết các vấn đề đối với các Xí nghiệp công tư hợp doanh bao gồm: Một số Xí nghiệp đã thanh toán xong tài sản cố định đã góp của chủ tư nhân; một số đang trả vốn và lãi suất và chủ tư nhân chấp nhận; một số đang trả tỉ lệ vốn và lãi suất như trước nhưng chủ tư nhân không nhận nên có hướng giải quyết sau:

"1. Khi tham gia xí nghiệp công tư hợp doanh, các chủ tư nhân đã thống nhất định giá trị tài sản cố định góp vào xí nghiệp cũng như tỉ lệ trả vốn và lãi

suốt hàng năm. Trong quá trình sản xuất kinh doanh hơn 10 năm qua, các thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, nhà xưởng … đã trở thành tài sản chung của xí nghiệp, được thay thế, bổ sung, sửa chữa, trang bị mới nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Vì vậy, không đặt vấn đề trả lại các thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, nhà xưởng… đó cho chủ tư nhân mà giữ nguyên là tài sản cố định của xí nghiệp để tiếp tục sản xuất kinh doanh.

2. Các xí nghiệp công tư hợp doanh đã thanh toán xong vốn tài sản cố định đã góp và lãi hàng năm cho chủ tu nhân và xí nghiệp đang sản xuất kinh doanh như xí nghiệp quốc doanh thì hoạt động theo Điều lệ xí nghiệp quốc doanh đã được Nhà nước ban hành. Quyền lợi của chủ tư nhân nếu còn mặt nào phải giải quyết (như tiếp nhận chủ tư nhân hay con em họ vào làm ở xí nghiệp) theo điều lệ xí nghiệp Công tư hợp doanh của từng ngành, thì Bộ chủ quản và Uỷ ban nhân dân địa phương hướng dẫn để xí nghiệp giải quyết cụ thể, đảm bảo quyền lợi của họ.

3. Các xí nghiệp công tư hợp doanh đang trả tỷ lệ vốn và lãi suất cho chủ tư nhân như trước đây, cần đánh giá lại giá trị tài sản cố định còn lại của xí nghiệp, trong đó có phần của chủ tư nhân đã góp trước đây. Việc đánh giá lại giá trị tài sản cố định còn lại của xí nghiệp theo sự hướng dẫn của ban chỉ đạo kiểm kê trung ương lần này. Trên cơ sở đánh giá lại giá trị tài sản cố định còn lại của xí nghiệp trong đó có vốn của chủ tư nhân còn lại để trả cho chủ tư nhân chưa nhận từ tháng 9 năm 1985 trở lại đây. Xí nghiệp dùng vốn của mình để trang trải khoản chi phí này, ngân sách Nhà nước không cấp thêm. Trường hợp đặc biệt không đủ vốn để trả lại, xí nghiệp được vay vốn Ngân hàng hoặc bán một phần tài sản cố định của mình để trang trải".

Tại Công văn số 2104/UB-KT ngày 31/7/1995 về việc hoạt động của Xí nghiệp Việt Hương H của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ đạo việc đánh giá tài sản còn lại để chuyển Xí nghiệp Việt Hương H phải thực hiện theo chỉ thị trên. Tuy nhiên, Xí nghiệp Việt Hương H không thuộc các trường hợp mà chỉ thị 278 đề cập do Xí nghiệp chỉ thanh toán lãi được 16 tháng và không trừ vào vốn, sau đó ngừng thanh toán từ tháng 12/1979 cho đến nay. Vì vậy Tổng công ty Nông nghiệp S căn cứ vào chỉ thị 278-CT ngày 09/10/1989 để giải quyết nhưng không xác định đúng giá trị tài sản cố định còn lại của chủ tư nhân. Bởi vì, chỉ thị chỉ rõ:

Thứ 1: Các chủ tư nhân đã được trả tỉ lệ vốn và lãi suất hàng năm. Trong quá trình sản xuất kinh doanh hơn 10 năm thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, nhà xưởng đã thành tài sản chung của xí nghiệp được thay thế, bổ sung, sửa chữa, trang bị mới nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Vì vậy, không trả lại tài sản cho chủ tư nhân mà giữ lại để tiếp tục sản xuất kinh doanh. Đối với XN Việt Hương H thì mới trả cho chủ tư nhân được 16 tháng lãi chưa trừ vào vốn; Việc sửa chữa, thay thế tài sản dùng vốn xí nghiệp để chi chứ không có nguồn vốn từ Nhà nước.

Thứ hai: Chỉ đường lối đã thanh toán xong phần vốn tài sản và lãi cho chủ tư nhân thì Xí nghiệp Việt Hương Hải không thuộc dạng này.

Thứ ba: Các Xí nghiệp đang trả tỷ lệ vốn và lãi suất cho chủ tư nhân như trước đây, cần đánh giá lại tài sản cố định còn lại của Xí nghiệp, trong đó có phần của chủ tư nhân đã góp trước đây. Sau khi đánh giá lại tài sản trên, chủ tư nhân có thể quyết định theo hai hướng:

Một là: Lấy giá trị tài sản cố định còn lại của mình góp vào Xí nghiệp để chia lãi.

Hai là: Rút giá trị tài sản cố định còn lại của mình ra khỏi Xí nghiệp công tư hợp doanh.

Với quy định của Chỉ thị 278-CT ngày 09/10/1989 như trên đã quy định rõ ràng các trường hợp, đối chiếu với trường hợp của Xí nghiệp Việt Hương H nhận thấy Sở Nông nghiệp và Xí nghiệp Việt Hương H đã tham mưu đề xuất UBND Thành phố giải quyết không đúng tinh thần chỉ thị trên. Bởi vì, Xí nghiệp không trả vốn và lãi cho chủ tư nhân một cách liên tục như phương hướng thứ nhất. Theo chỉ thị trên đúng ra cần phải áp dụng tinh thần của Phương hướng 3 là đánh giá lại tài sản cố định còn lại của Xí nghiệp, trong đó có phần của Chủ tư nhân đã góp trước đây, sau đó tuỳ chủ tư nhân quyết định rút vốn hoặc tiếp tục góp vốn sản xuất kinh doanh. Đối chiếu lại biên bản ngày 15/12/1995, tại Văn phòng sở Nông nghiệp đã dùng "mệnh lệnh" Nhà nước áp đặt lên các chủ sở hữu tư nhân khi chủ tư nhân nêu ra các thắc mắc liên quan đến tài sản của họ.

Bên cạnh đó, việc xác định vốn tư nhân là của Nhà nước tại Xí nghiệp Việt Hương H không chính xác, không tiến hành định giá theo quy định pháp luật lúc bấy giờ, căn cứ vào các biên bản họp của Sở Nông nghiệp, các ban ngành, lãnh đạo Xí nghiệp để xác định phần vốn của Nhà nước và của tư nhân trong khi không có mặt các chủ tư nhân là không khách quan. Ngay trong công văn 107/VHH ngày 05/8/1989 của Xí nghiệp Việt Hương H gởi Giám đốc sở thuỷ sản và Ban cải tạo công thương nghiệp Thành phố thể hiện rõ Xí nghiệp và các chủ tư nhân đề nghị khi họp giải quyết về vốn cần để chủ tư nhân tham gia. Do đó, việc nguyên đơn cho rằng họ bị áp đặt về việc xác định vốn và việc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành Công ty TNHH là có căn cứ. Tại phiên toà bị đơn thừa nhận khi tiến hành các thủ tục để chuyển đổi hình thức Xí nghiệp thành công ty TNHH, lúc bấy giờ tài sản mà Xí nghiệp đã liệt kê để xác định vốn theo phương án 3 vẫn là 11 loại tài sản mà lúc ban đầu 3 chủ tư nhân góp vào, Xí nghiệp hoàn toàn không có mua hay tích luỹ thêm tài sản nào khác ngoài 11 loại tài sản trên.

Như vậy, trong Xí nghiệp Việt Hương H ngoài vốn của 3 chủ tư nhân đưa vào, nhà nước không đầu tư hay góp thêm phần vốn nào vào. Việc sửa chữa, nâng cấp, mua thêm trang thiết bị… của xí nghiệp đều do nguồn tiền tự thân của Xí nghiệp bỏ ra. Bên cạnh đó, Xí nghiệp cũng chưa trả vốn tài sản cố định đã góp của chủ tư nhân vào công ty hợp doanh cho họ. Bị đơn, người có quyền lợi

và nghĩa vụ liên quan là Công ty Việt Hương H, UBND và Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh không đưa ra được các chứng cứ chứng minh có phần vốn của Nhà nước trong Xí nghiệp Việt Hương H. Đại diện bị đơn cho rằng vốn nhà nước là vốn tích luỹ hàng năm do Nhà nước đã mua lại phần tài sản của các chủ tư nhân. Tuy nhiên, như đã phân tích trên trong quá trình hoạt động Xí nghiệp Việt Hương H không thực hiện đúng quy định của Nhà nước là trả lãi và trừ vào vốn hàng năm cho chủ tư nhân. Với sự tham mưu, đề xuất của Xí nghiệp Việt Hương H, Tổng Công ty Nông nghiệp S, Cục quản lý vốn và tài sản nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, Sở thuỷ sản (trước đây) và sở Nông nghiệp UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành các Quyết định thành lập, xác định vốn Nhà nước và chủ tư nhân không đúng thực tế tại Xí nghiệp Việt Hương H, từ đó các quyết định của UBND và Chủ tịch UBND xác định vốn Nhà nước và vốn tư nhân là không có căn cứ.

Tóm lại: thực hiện chính sách về cải tạo, Nhà nước có chủ trương công tư hợp doanh với nguyên tắc lợi nhuận hàng năm từ công tư hợp doanh sẽ được trả lãi (lợi nhuận) cho những tư nhân đưa tài sản vào công ty Hợp doanh và sẽ được trừ dần vào tài sản của chính họ đã đưa vào góp. Khi đã trừ đủ tài sản họ đã góp thì toàn bộ vốn góp của những chủ tư nhân này trở thành tài sản của Nhà nước. Các chứng cứ trong hồ sơ cho thấy Xí nghiệp công tư hợp doanh Việt Hương H đã chi trả lợi nhuận cho 3 chủ tư nhân góp vốn từ tháng 7/1978 đến tháng 12/1979 (16 tháng) thì chấm dứt. Như vậy, 3 chủ tư nhân chưa nhận lại được vốn góp của mình thì tài sản vẫn còn là của họ, tài sản này không mặc nhiên trở thành tài sản của Nhà nước như lời trình bày của bị đơn. Việc Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành các quyết định để xác định vốn và chuyển đổi Xí nghiệp Việt Hương H thành Công ty TNHH và mặc nhiên xác định tài sản đó là tài sản của Nhà nước là không đúng. Toà án cấp sơ thẩm xác định chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty Nông nghiệp S trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 3, Điều 30; Khoản 1 Điều 34 điểm a, Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chỉ thị số 278-CT ngày 09/10/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng;

Điểm a, khoản 3 Điều 48; Điều 69 và Điều 70 Luật Doanh nghiệp;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp. Quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh B.

1. Tuyên bố Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên không còn là thành viên của Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H. Các thành viên còn lại của Công ty tự quyết định tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động của Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H;

2. Hủy các Quyết định số 7111/QĐ-UB-KT ngày 10/12/1997, Quyết định số 1195/QĐ-UB-KT ngày 07/3/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các Quyết định số 2002/QĐ-UB ngày 11/05/2004, Quyết định số 1396/QĐ-UB ngày 02/04/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy Công văn số 658/UB-KT ngày 29/02/1996 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh của nguyên đơn.

3. Buộc Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên trả lại cho Công ty TNHH nước mắm Việt Hương H 2.059.316.463 đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi chín triệu ba trăm mười sáu nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng).

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Tổng Công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên phải chịu 3.000.000 đồng án phí không có giá ngạch và 73.186.329 đồng án phí có giá ngạch, tổng cộng: 76.186.329 đồng (Bảy mươi sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi chín đồng)

Ông Đặng Thanh B không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 59.969.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0049625 ngày 05/9/2018 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0049848 ngày 04/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Tổng công ty Nông nghiệp S TNHH Một thành viên phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0046142 ngày 19/02/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
– TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
– VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
– Cục THADS TP. Hồ Chí Minh (1);
– Các đương sự (7);
– Lưu: hồ sơ (4),VP(2),20b (MTTT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên